


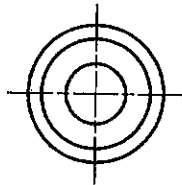
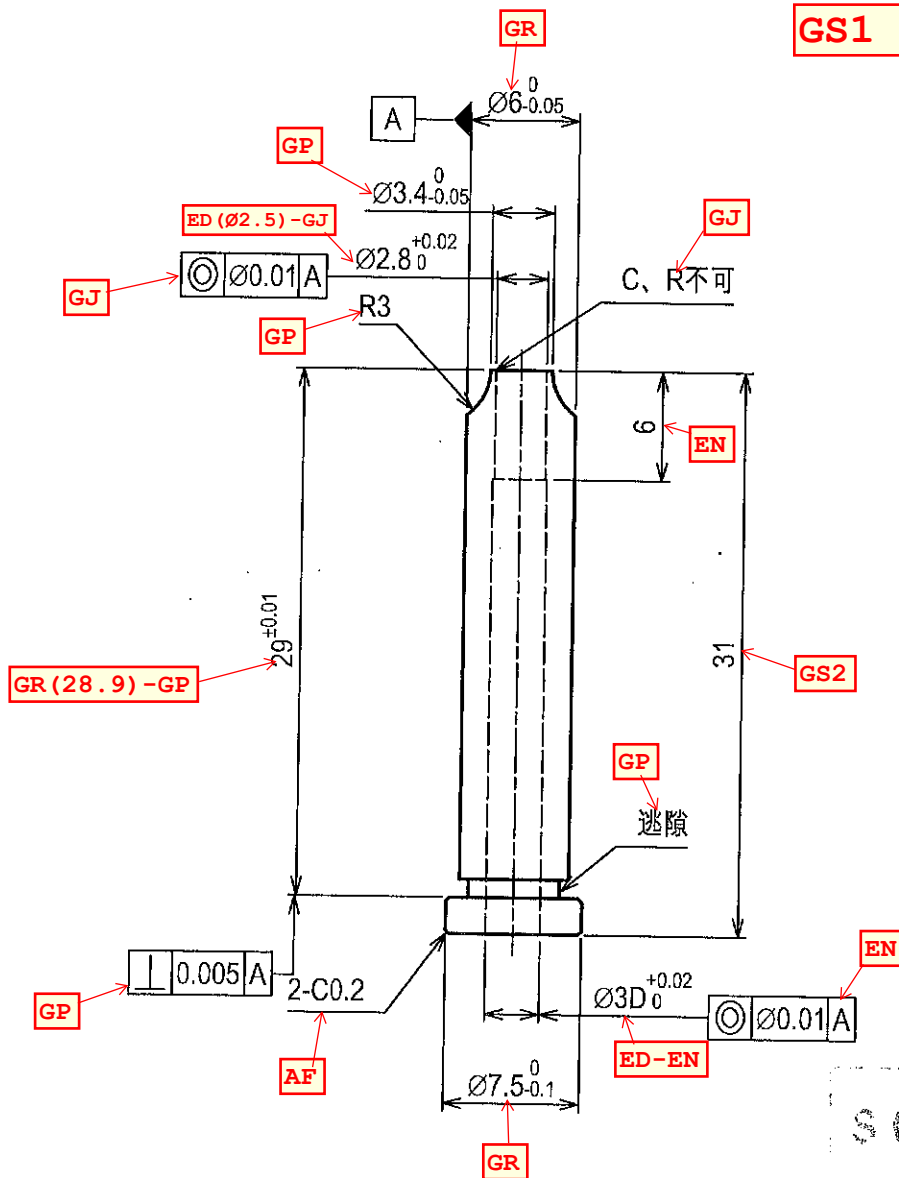


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init.	2015/05/11	新规设计	OCS-1406-006	Liu_Ke_Xin	Qin_Yi_Fan	$0.5 \leq , \leq 6$	± 0.1
						$6 < , \leq 30$	± 0.2
						$30 < , \leq 120$	± 0.3
						$120 < , \leq 400$	± 0.5
						TOLERANCES NOT OTHERWISE	



全C0.2

GS1 $\varnothing 8 \times 40$



DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Liu_Ke_Xin	Qin_Yi_Fan	部品図	入子
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	INSERT
HRC 52° ~ 55°	S0B	部品図	嵌套
MATERIAL	DATE	SCALE	嵌套
SKS3	2015/05/11	2.5:1	DWG.No.
			R029520

SNO: R029520	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKH51 Ø8*42	GS1:10 ED:20 GR:60 GJ:90 GP:90 GS2:20 EN:30 KT